

KẾ HOẠCH
Bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre năm 2019

Thực hiện Công văn số 1619/BTNMT-KHTC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019 như sau:

Phần thứ nhất
**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ NĂM 2018**

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre năm 2017 và năm 2018

1.1. Việc thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Kiểm tra và thông báo kết luận kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với 21 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh và lập biên bản xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường 05 cơ sở. Phức tra công tác bảo vệ môi trường 10 cơ sở có nguồn thải thải vào lưu vực sông.

Kiểm tra 13 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và 04 điểm nóng về ô nhiễm môi trường theo phản ánh của dư luận xã hội; Kiểm tra thực tế, định hướng xử lý đối với 03 trường hợp theo thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng của Tổng cục Môi trường; Kiểm tra tiếng ồn trong hoạt động nhạc sống trên địa bàn tỉnh; Tham gia Đoàn thanh tra môi trường năm 2018 do Cục Môi trường Miền Nam tổ chức.

Kiểm tra điều kiện nhập khẩu phế liệu đối với 03 doanh nghiệp; thực hiện giám sát xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu cho 03 doanh nghiệp.

Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường: tình hình nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu năm 2016; hiện trạng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và hiện trạng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo cho Hội đồng nhân dân tỉnh: số liệu quan trắc môi trường KCN Giao Long làm cơ sở giám sát và đánh giá về sự phát triển bền vững của KCN; tham mưu giải trình các nhóm vấn đề tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh, khóa IX.

Tiếp tục xây dựng Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh; Hoàn thành mô hình giảm thiểu ô nhiễm từ rác thải

sinh hoạt bằng chế phẩm sinh học tại bãi rác Tân Thanh, huyện Giồng Trôm; Hoàn thành công tác lắp đặt và truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các đơn vị, doanh nghiệp có lưu lượng xả thải từ 1.000 m³ trở lên.

1.2. Lồng ghép bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án của tỉnh

Hoàn thành các chuyên đề, dự án: Chuyển giao phần mềm kết nối truyền và nhận dữ liệu quan trắc tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Bộ chỉ thị môi trường tỉnh Bến Tre và Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường tỉnh Bến Tre.

Thực hiện dự án "Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Cửu Long (ADM) tại Bến Tre": Tiếp tục đầu tư Hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động cho 02 tỉnh Bến Tre và Trà Vinh.

Tiếp tục thực hiện Dự án "Thành lập thí điểm Khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại đồng bằng sông MeKong"; Tiếp tục thực hiện Nhân rộng các mô hình chăn nuôi kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Việc xây dựng, triển khai quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch ngành (quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch sử dụng đất,...) đều có lồng ghép nội dung giải pháp bảo vệ môi trường.

1.3. Xây dựng ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Giao ngành Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai các văn bản thông qua các buổi hội thảo, tập huấn do ngành tổ chức, gồm các văn bản sau:

- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 ban hành Quy định phân vùng môi trường các nguồn nước tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

1.4. Hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, phối hợp trong công tác quản lý môi trường giữa các cấp, các ngành, tổ chức

a) *Hưởng ứng các sự kiện lớn về môi trường như:* Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới, Ngày quốc tế đa dạng sinh học, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Giờ Trái đất, Tuần lễ Biển và Hải đảo,... các sở, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức mít-ting, treo băng-rol, pano, phát tờ rơi; đưa tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, huyện; Thông tin môi trường của Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường; trồng cây xanh; và một số hoạt động lớn khác:

- Ngày Môi trường thế giới năm 2017: tổ chức các hoạt động "Tháng hành động vì môi trường" hưởng ứng ngày môi trường thế giới 2017, đã tổ chức mít-

ting, treo băng-rol, pano, phát tờ rơi tuyên truyền, trồng 500 cây xanh/xã trên địa bàn 02 xã Mỹ Hòa và Long Thới.

- Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2017: tổ chức trồng 700 cây xanh tại xã Tiên Long, phát hoang nạo vét đường thoát nước bị ô nhiễm trên địa bàn thành phố Bến Tre với tổng chiều dài 830 m. Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất sinh vật cảnh.

- Ngày Môi trường thế giới năm 2018: tổ chức Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới năm 2018.

b) Công tác tuyên truyền tập huấn:

- Cấp tỉnh: Phối hợp xây dựng nội dung tuyên truyền về môi trường trên báo Mừng Xuân Mậu Tuất 2018 của Báo Tài nguyên Môi trường.

- Tổ chức lễ mít tinh phát động thực hiện Luật phòng, chống, tác hại thuốc lá và môi trường không khói thuốc lá trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Hội nghị triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, bệnh dại và thủy sản trên địa bàn tỉnh; Hội nghị tuyên truyền phổ biến, quán triệt văn bản vi phạm pháp luật về lĩnh vực du lịch năm 2018.

- Cấp huyện: tổ chức tập huấn về công tác bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu cho hơn 1.000 người tham dự tại các xã, thị trấn trên địa bàn.

c) Công tác thực hiện các chuyên mục, bản tin, thông tin về tài nguyên – môi trường

- Cấp tỉnh: thực hiện chuyên mục tài nguyên và môi trường trên Đài phát thanh truyền hình Bến Tre (02 chuyên mục/tháng), phát hành bản tin môi trường (06 tháng/01 bản tin) và trang tin tài nguyên và môi trường trên website Sở Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp Đài truyền hình Việt Nam VTV thực hiện ghi hình tại Bến Tre xây dựng chuyên mục về biến đổi khí hậu khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Cấp huyện: xây dựng bản tin sinh hoạt nội bộ về bảo vệ môi trường và chuyên mục “Tài nguyên và Môi trường” phát thanh hàng tuần trên Đài Truyền thanh.

1.5. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường

- Cấp tỉnh: Chi cục Bảo vệ môi trường Bến Tre có 12 công chức, viên chức, trình độ chuyên môn 02 thạc sĩ và 10 đại học.

- Cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có từ 02 - 03 cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường; các cán bộ môi trường đều được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực về quản lý bảo vệ môi trường.

- Cấp xã: Số lượng xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh có cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường đạt 100%, đây là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở.

** Các sở, ngành và Ban quản lý các khu công nghiệp:*

- Sở Công thương có Phòng Kỹ thuật an toàn môi trường; các Sở Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều có bộ phận chuyên môn thực hiện chức năng bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

- Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh: thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, từ đó đáp ứng được nhu cầu thực tế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có Phòng Quản lý môi trường, với 03 cán bộ quản lý chuyên trách công tác bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp của tỉnh.

1.6. Bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới

Năm 2017, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới (NTM) tại 09 xã điểm (xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú; xã An Thới, huyện Mỏ Cà Nam; xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách; xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cà Bắc; xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm; xã Thành Triệu, huyện Châu Thành và xã Thới Thuận, huyện Bình Đại) và hỗ trợ xây dựng xã kiểu mẫu về thực hiện tiêu chí 17 tại xã Mỹ Hòa (huyện Ba Tri) và xã Long Thới (huyện Chợ Lách)) với tổng kinh phí 650.844.000 đồng, từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, kết quả thực hiện như sau:

- Xây dựng 545 hố xí hợp vệ sinh, 40 hố thu gom nước thải chăn nuôi, 10 thùng thu gom rác, trồng 1.300 cây xanh, lắp đặt 12 pano tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM tại xã Long Thới và Mỹ Hòa, 02 đường cống thoát nước khu dân cư tại xã An Nhơn và Bình Thành,....

- Tổ chức 02 buổi họp triển khai kế hoạch xây dựng xã kiểu mẫu về thực hiện tiêu chí Môi trường tại xã Mỹ Hòa và Long Thới; 04 lớp tập huấn kiến thức và 09 buổi tọa đàm về bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM cho người dân và các cơ sở trên địa bàn xã Long Thới và xã Vĩnh Hòa (huyện Chợ Lách), xã Mỹ Hòa (huyện Ba Tri); hội nghị về thực hiện tiêu chí 17 trong xây dựng NTM tại 09 huyện, thành phố.

- Tổ chức đoàn kiểm tra tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí 17 của 09 xã (02 lần/xã); kiểm tra, đánh giá kết quả nâng chất các tiêu chí xã văn hóa, cơ quan văn hóa và kiểm tra kết quả thực hiện 19 tiêu chí NTM của các xã xây dựng NTM năm 2017 và các xã đăng ký xây dựng NTM năm 2018.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường đối với huyện NTM và xã NTM trên địa bàn tỉnh dựa trên Bộ tiêu chí của Trung ương; góp ý Sở tay hướng dẫn thực hiện tiêu chí 17 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và xây dựng Sở tay hướng dẫn thực hiện 19 tiêu chí NTM trên địa bàn tỉnh; giao các Sở ngành có liên quan phụ trách chỉ tiêu 17.8 hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí về an toàn thực phẩm theo Bộ tiêu chí mới; xây dựng

bộ hồ sơ chuẩn dùng trong quá trình kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí 17 của các xã xây dựng NTM để thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Sáu tháng đầu năm 2018, đã công nhận 03 xã hoàn thành tiêu chí 17 nâng tổng số xã đạt tiêu chí 17 NTM trên toàn tỉnh 27 xã.

Xây dựng bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2018 – 2020; xây dựng nhu cầu kinh phí đầu tư thực hiện tiêu chí 17 trong xây dựng NTM (đề xuất nhu cầu kinh phí đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày Nam và Giồng Trôm đến năm 2020); Giao Sở Xây dựng hỗ trợ thực hiện thiết kế mẫu và dự toán kinh phí xây dựng hố xí hợp vệ sinh phục vụ chương trình xây dựng NTM.

1.7. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): tổ chức họp hội đồng thẩm định cho 20 dự án, phê duyệt 20 báo cáo ĐTM; phê duyệt báo cáo ĐTM và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung cho 01 dự án; sửa đổi, bổ sung 16 quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM và hủy Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của 01 dự án.

+ Đề án bảo vệ môi trường chi tiết: 07 đề án và thay thế, sửa đổi bổ sung một số điều quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của 10 cơ sở;

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao ngành Tài nguyên và Môi trường:

+ Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của đề án bảo vệ môi trường chi tiết: 08 cơ sở; Kiểm tra và xác nhận 22 đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

+ Kiểm tra việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành chính thức của báo cáo ĐTM: 09 dự án;

+ Kế hoạch bảo vệ môi trường: cấp 60 giấy xác nhận;

+ Thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu để kiểm tra, thông quan cho 01 doanh nghiệp và các cơ quan hải quan; Xét duyệt phương án xử lý, tiêu hủy chất thải hàng hóa cho 01 doanh nghiệp.

+ Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại: cấp 22 sổ, trong đó: cấp mới 12 sổ và cấp lại 07 sổ. Hướng dẫn báo cáo, quản lý, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại cho 22 cơ sở sản xuất kinh doanh; Hướng dẫn quản lý và đăng ký cấp phép xả thải khí thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

+ Báo cáo chương trình giám sát môi trường: thẩm định 230 lượt;

Riêng Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: thẩm định và cấp hơn 588 giấy xác nhận/thông báo chấp thuận Bản cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch Bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Thu phí nước thải công nghiệp: Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đến 65 cơ sở và thu phí khoảng 895 triệu đồng; thu phí thẩm định báo cáo ĐTM và Đề án BVMT chi tiết khoảng 213 triệu đồng.

Thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 148.350.000 đồng.

1.8. Công tác xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

- Tỉnh có 09 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý, đến nay đã xử lý hoàn thành 06 cơ sở, đạt 66,7%; cụ thể:

+ Dự án Nâng cấp, cải tạo bãi rác huyện Ba Tri.

+ Bệnh viện đa khoa huyện Thạnh Phú, Chợ Lách, Châu Thành, Bình Đại và Giồng Trôm.

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp làm chủ đầu tư 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích trên địa bàn tỉnh Bến Tre là:

+ Theo Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003) còn 01 bãi rác thành phố Bến Tre (Bãi rác Phú Hưng): Tỉnh đang triển khai Dự án Cải tạo và khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bãi rác Phú Hưng hiện hữu, thành phố Bến Tre: đạt khoảng 40,2%.

+ Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2012, còn 02 cơ sở: bãi rác huyện Bình Đại và Thạnh Phú: đang triển khai thực hiện.

1.9. Công tác ứng phó với Biến đổi khí hậu

Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH cấp huyện giai đoạn 2016 – 2020.

Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 24/NQ-TW, Chỉ thị 10/CT-TU; ban hành Công văn triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ứng phó với BĐKH trong hoạt động sản xuất sinh vật cảnh.

Tham gia cùng đoàn khảo sát của Tỉnh ủy khảo sát và đề xuất các biện pháp hạn chế sạt lở tại khu vực cồn Ngoài, xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri và xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú; khảo sát sạt lở sông Hàm Luông khu vực các xã: An Đức, Mỹ An và An Điền, huyện Thạnh Phú.

Tổ chức Hội nghị tổng kết kết quả ứng phó với BĐKH năm 2017 và triển khai kế hoạch 2018 tỉnh Bến Tre.

1.10. Bảo tồn đa dạng sinh học

Thực hiện Bản ghi nhớ về dự án giữa tỉnh Bến Tre và Tuclea Rumani, tỉnh đã tổ chức Đoàn công tác sang học hỏi kinh nghiệm của nước bạn. Thành lập Tổ xây dựng dự án, tiến hành thu thập thông tin để lập dự án "Thành lập thí điểm Khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại đồng bằng sông MeKong". Cuối năm 2017, các chuyên gia và Đoàn công tác của tỉnh Tuclea Rumani đã sang làm việc và phối hợp thực hiện tạo lập đề cương dự án. Dự kiến năm 2018 hoàn thành tài liệu báo cáo dự án.

Chỉ đạo hướng ứng ngày Quốc tế đa dạng sinh học năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bến Tre; báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 69/2010/NĐ-

CP của Chính phủ về sinh vật biến đổi gen; Cung cấp thông tin các khu bảo tồn tỉnh Bến Tre cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường và sử dụng ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018

Tỉnh hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên theo kế hoạch đề ra như công tác truyền thông, bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM, giải quyết các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo yêu cầu, thực hiện thu phí bảo vệ môi trường, quan trắc đánh giá chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Tỉnh đã triển khai được một số dự án theo kế hoạch đề ra như điều tra, đánh giá môi trường. Tỉnh đầu tư xử lý một cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực công ích.

Tỉnh có 09 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý, đến nay đã xử lý hoàn thành 06 cơ sở, đạt 66,7%.

Các khu đô thị như: thành phố Bến Tre, thị trấn các huyện chưa có khả năng đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (tỷ lệ các khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường là 0%).

Chi tiết tổng hợp kết quả và dự kiến thực hiện các chỉ tiêu môi trường theo phụ lục 1, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường năm 2017 và năm 2018 theo phụ lục 2.

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy và sự nỗ lực của các cấp, các ngành nên việc thực hiện nhiệm vụ về BVMT trong thời gian qua đã đạt theo kế hoạch đề ra.

Hệ thống quản lý nhà nước về BVMT đi vào nề nếp, từng bước đáp ứng được nhu cầu thực tế. Hầu hết cấp xã có cán bộ chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BVMT.

Lực lượng cảnh sát môi trường được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh. Nhiều điểm nóng về môi trường trên địa bàn tỉnh từng bước được giải quyết và ngăn chặn kịp thời.

Công tác BVMT được quan tâm, nguồn ngân sách đầu tư cho sự nghiệp môi trường đảm bảo cho hoạt động thường xuyên, là cơ sở để hoàn thành các nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Công tác truyền thông, phổ biến kiến thức về BVMT, BDKH, đa dạng sinh học,... cho các Sở, ngành, đoàn thể và nhân dân được quan tâm thực hiện thường xuyên.

Công tác xây dựng năng lực ứng phó với BDKH được tổ chức thực hiện tốt, với sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế đã bước đầu hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Công tác tuyên truyền, tập huấn đã giúp cho năng lực công tác của cán bộ ở các cấp, ngành được nâng lên, cộng đồng dân cư hiểu biết nhiều hơn về BDKH. Công tác nghiên cứu, đánh giá đã xác định được các tác động BDKH ảnh hưởng đến từng lĩnh vực, từng ngành

của tỉnh và xây dựng được kế hoạch, đề xuất được các giải pháp ứng phó để làm cơ sở triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư. Kết quả triển khai các mô hình dự án điểm đã mang lại hiệu quả thiết thực, nâng chất lượng cuộc sống của người dân nghèo tại vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai, BĐKH.

2.2. Khó khăn

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ, các dự án về BVMT thì tỉnh vẫn còn một số khó khăn như:

- Số lượng cán bộ quản lý môi trường cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn) còn yếu về chuyên môn, từ đó công tác quản lý, giám sát môi trường ở địa phương chưa đạt hiệu quả cao.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về BVMT có đổi mới về nội dung và hình thức, tuy nhiên chưa phát huy được ý thức tự giác một cách rõ nét của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong việc tham gia BVMT.

- Cơ chế, chính sách pháp luật về môi trường còn nhiều bất cập, thay đổi, điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ, do đó gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc theo dõi, tiếp cận và thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

- Kinh phí sự nghiệp về môi trường có phân bổ tăng chi hàng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế trong giai đoạn hiện nay; nội dung, định mức chi chưa đầy đủ nên các địa phương gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện dự toán, thực hiện nhiệm vụ chi.

3. Kiến nghị và đề xuất

Tăng cường và thống nhất điều hành, phối hợp giữa các Bộ, ngành, các địa phương tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà nước về BVMT ngày càng đồng bộ, hiệu quả.

Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương cần tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoặc hỗ trợ địa phương trong công tác kiểm tra giám sát đối với các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Tuyến tránh thị trấn Mỏ Cày,...), đặc biệt là việc chỉ đạo các bộ, ngành liên quan, các đơn vị, chủ đầu tư đối với các công trình này thực hiện đúng các quy định về BVMT.

Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cần tăng cường công tác tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý nhà nước, cũng như thường xuyên tổ chức các buổi Hội thảo nhằm trao đổi những kinh nghiệm trong quá trình thực tiễn làm công tác quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học.

Kiến nghị với cấp thẩm quyền xem xét nâng cao nguồn lực BVMT như tăng kinh phí sự nghiệp môi trường và đầu tư phát triển vào BVMT; tăng cường hỗ trợ kinh phí địa phương để thực hiện các nhiệm vụ mang tính chất cấp bách.

Hướng dẫn bổ sung việc lập quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội: nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục,... lồng ghép công tác BVMT, ứng phó BĐKH.

Công tác kiểm tra, thanh tra việc BVMT tại các đơn vị, doanh nghiệp cần được duy trì, đặc biệt là tại các khu vực thường có phản ánh của người dân về ô nhiễm môi trường, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Phần thứ hai **KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP** **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019**

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng Kế hoạch BVMT năm 2019 với một số nội dung sau:

1. Hỗ trợ xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương

Vận động, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới quy trình công nghệ, áp dụng các công nghệ sạch, đầu tư các công trình xử lý chất thải nhằm hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm môi trường, không để phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

Nâng cao công tác thẩm định và phê duyệt theo thẩm quyền báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, thu phí bảo vệ môi trường và phí thẩm định báo cáo ĐTM, kiểm soát tình hình nhập khẩu phế liệu, quản lý chất thải nguy hại.

Thực hiện quan trắc môi trường với tần suất quan trắc 04 lần/ năm, đánh giá chất lượng môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Sở Tài nguyên và Môi trường liên tịch với các đơn vị đoàn thể hỗ trợ cho các xã thực hiện mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường kiểm soát, thanh kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm cả kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện ứng phó sự cố môi trường xảy ra như: tràn dầu, rò rỉ hoá chất, hạn hán, xâm nhập mặn,... ; công tác phòng tránh và khắc phục môi trường do thiên tai.

3. Quản lý chất thải

Hỗ trợ các dụng cụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, nhà vệ sinh công cộng tập trung cho các chợ thuộc khu vực nông thôn, khu công cộng.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai quy hoạch và xây dựng khu xử lý chất thải rắn, xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn; quy hoạch các bãi rác tập trung và nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn các huyện, thành phố.

Quy hoạch và xây dựng các khu đô thị mới đảm bảo có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; các khu công nghiệp đảm bảo hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý chất thải và vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Các bệnh viện trên toàn tỉnh quản lý chặt chẽ chất thải y tế, nhất là rác thải y tế nguy hại; chấm dứt tình trạng nước thải y tế chưa qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thoát ra các sông, rạch trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học

Triển khai quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Thực hiện tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức và năng lực về đa dạng sinh học ở các cấp, ngành, đoàn thể và cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

Tăng cường nguồn nhân lực, năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, huyện, xã: hợp đồng nhân sự, đào tạo, hội thảo, tập huấn; mua sắm trang thiết bị phục vụ cho phân tích và đánh giá chất lượng môi trường, trang thiết bị phục vụ cho công tác.

Phân bổ kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm theo Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ban Bí thư (chi khoảng 01% tổng ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường). Sử dụng nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp môi trường hàng năm theo đúng quy định, đúng mục đích, có hiệu quả, đáp ứng các nội dung định hướng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của tỉnh theo đúng quy định.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác truyền thông, tập huấn, soạn thảo sổ tay, in ấn tài liệu, bản tin, chuyên mục về bảo vệ môi trường trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài phát thanh huyện, thành phố; hỗ trợ nâng cao năng lực bảo vệ môi trường tại các cấp, ngành và các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

Tổ chức các sự kiện lớn về môi trường như Ngày Môi trường thế giới, Ngày quốc tế đa dạng sinh học, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Giờ Trái đất, Tuần lễ Biển và Hải đảo,... mítting, trồng cây xanh, làm vệ sinh và phát thông điệp toàn dân tham gia bảo vệ môi trường.

Chi tiết các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường năm 2017 theo phụ lục 3.

7. Triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ

Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện Công văn số 5771/UBND-KT về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg

ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ trên địa bàn tỉnh và các văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như:

- Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Tỉnh uỷ Bến Tre về nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch số 4613/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nhân rộng các mô hình chăn nuôi kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Kế hoạch số 4614/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện quản lý tài nguyên đảo bảo khai thác, sử dụng đúng quy hoạch và an toàn sinh thái tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 – 2020;

- Kế hoạch số 4615/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 – 2020;

- Kế hoạch số 4616/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 – 2020;

- Kế hoạch số 4617/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 – 2020;

Trên đây là kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019 của tỉnh Bến Tre, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch và chi tiết dự toán thông qua Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ kinh phí; phân công trách nhiệm cụ thể, tổ chức thực hiện Kế hoạch này tại cơ quan, đơn vị, địa bàn mình quản lý; định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Kế hoạch (Bộ TN&MT);
- Tổng cục Môi trường;
- TT.TU, TT.HUBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- NC: TH, TCĐT, KT; TT TTĐT;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Lập



TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

(Theo Kế hoạch số 485 /KH-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,666	1,672	1,756	
2	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch ở nông thôn	%	51,3	52	53	
3	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị	%	86,5	89,7	90	
4	Tỷ lệ các khu công nghiệp, các khu chế xuất, đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%	66,7	75	75	
6	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	93,5	94	94,1	
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	85	85,5	86	
8	Tỷ lệ đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn quy định	%	0	0	0	
9	Kinh phí sự nghiệp môi trường	Triệu đồng	6.736	18.526	15.261	



QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 - 2018
 (Thực hiện theo Kế hoạch số 4035/KH-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Bến Tre)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án *	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Triển độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
I									
Nhiệm vụ chuyên môn									
1	Hỗ trợ cho xã điểm xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới	2017 - 2018	1.150	1.150	500	Sở TNMT và Ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên	57	Cải thiện chất lượng môi trường tại các xã điểm	
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch xây dựng và quản lý Bộ Chỉ thị môi trường (CTMT) trên địa bàn tỉnh Bến Tre	2017	500	0	500	Sở TN&MT	100	Báo cáo tổng hợp, Báo cáo chuyên đề, Phiếu chỉ thị môi trường tỉnh Bến Tre năm 2017, Bộ phiếu CTMT tỉnh Bến Tre được cập nhật trên hệ quản trị dữ liệu và Tài liệu hướng dẫn lập CTMT tỉnh Bến Tre và Địa CD ghi báo cáo	
3	Nhân rộng các mô hình chấm muối kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre	2018	500	0	500	Sở TNMT; các sở ngành có liên quan	20	Mô hình chấm muối kiểm soát ô nhiễm môi trường	
4	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường tỉnh Bến Tre	2017 - 2018	1.000	0	1.000	Sở TN&MT	100	Báo cáo tổng hợp hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường tỉnh Bến Tre	
5	Xây dựng kết nối quan trắc tự động hệ thống xử lý nước thải tập trung các khu công nghiệp về Sở Tài nguyên và Môi trường	2017 - 2018	189	189	0	Sở TN&MT và BQL các KCN	100	Phản mềm tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động liên tục từ các trạm quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường	
II									
Nhiệm vụ thường xuyên									
1	Tăng cường năng lực, truyền thông, tập huấn, hội thảo,... và Tham gia các khóa đào tạo, tham quan học hỏi kinh nghiệm nâng cao năng lực chuyên môn.	2018	550		550	Sở TNMT	50	Các lớp tập huấn, chuyên mục truyền thông, các buổi meeting...	
2	Quan trắc môi trường 04 lần/năm	2017 - 2018	3.158	1.558	1.600	Trung tâm quan trắc Tài nguyên - Môi	75	Báo cáo tổng hợp kết quả 04 đợt năm 2017 và đợt 1, 2 năm 2018.	

3	Thẩm định, kiểm soát và thanh kiểm tra về bảo vệ môi trường	2018	100		100	Số TNMT	50	Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh	
Tổng cộng (2):			100		100				
III Các nhiệm vụ chuyên môn và thường xuyên của cấp huyện (09 huyện, Thành phố)									
1	Thực hiện các công việc bảo vệ môi trường theo theo nhiệm vụ chuyên môn và thường xuyên của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2017 - 2018	17.615	3.839	13.776	Các huyện, Tp	75	Các công việc thường xuyên, chuyên môn về bảo vệ môi trường được hoàn thành	
Tổng cộng (3):									
Tổng cộng: (1)+(2)+(3)			24.762	6.736	18.026				



TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019
 Căn theo Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Bến Tre

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Lấy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn								
I	Nhiệm vụ chuyên tiếp								
1.1	Nhấn rừng các mô hình chăn nuôi kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Chăn nuôi bền vững	Khảo sát, đánh giá thực trạng chăn nuôi và đề xuất các giải pháp chăn nuôi kiểm soát ô nhiễm môi trường (xây dựng mô hình chăn nuôi) kiểm soát ô nhiễm môi trường	Mô hình chăn nuôi kiểm soát ô nhiễm môi trường	Sở TNMT và các sở, ngành, UBND huyện, thành phố có liên quan	2018-2019	999	499	500
Tổng (I)						999	499	500	
2	Nhiệm vụ mở mới								
2.1	Hỗ trợ dụng cụ trữ nước mưa theo Đề án thực hiện Tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới (Đề án Nông thôn mới)	Hỗ trợ 68 xã với hơn 48.138 hộ đạt chỉ tiêu 65% hộ sử dụng nước sạch	Hỗ trợ khoảng 23.364 hộ trang bị thêm dụng cụ trữ nước mưa với thể tích tối thiểu 2m3/dụng cụ	Dụng cụ trữ nước mưa với thể tích tối thiểu 2m3/dụng cụ	Sở TNMT và các sở, ngành, UBND huyện, thành phố có liên quan	2019-2020	1.820	780	1.040
2.2	Hỗ trợ thùng rác công cộng Đề án Nông thôn mới	100% các hộ dân nằm trên các tuyến đường có tổ dịch vụ thu gom rác đăng ký thu gom; 100% các hộ không có điều kiện đăng ký thu gom rác có đào hố chôn lấp rác hợp vệ sinh trong vườn nhà	Đàn tư dụng cụ thu gom rác cho các khu vực công ích, khu công cộng, cơ quan, trường học, chợ, trục đường chính... 10 thùng/xã	910 thùng rác	"	2019-2020	1.088	713	375
2.3	Hỗ trợ xây hồ thu gom bao gói thuốc BVTV Đề án Nông thôn mới	Đánh giá khối lượng phát sinh và có biện pháp xử lý hiệu quả đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn các xã	Thực hiện Chuyên đề điều tra đánh giá khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phát sinh trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm trên địa bàn 28 xã đề xuất: 05 - 10 hố/xã	Có 05 - 10 hố thu gom rác cho 28 xã	"	2019-2020	728	312	416

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Lý lẽ đến hết năm 2018	năm 2019 (triệu đồng)	Ghi chú
2.4	Hỗ trợ lắp đặt pano Đề án Nông thôn mới	Tăng cường tuyên truyền về bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức, đồng thời trong đây đi nội dung trong tiêu chí 17	Lắp đặt pano, áp phích tại các xã xây dựng nông thôn mới.	Lắp đặt 182 Pano tại các xã xây dựng nông thôn mới.		2019-2020	2.200	2.200		
2.4	Thành lập thí điểm khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại đồng bằng sông Mê Công	Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững đất ngập nước nhằm thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại đồng bằng sông Mê Công và thúc đẩy quan hệ hợp tác Á - Âu nói chung và quan hệ hợp tác Mê Công - Đa-nuy-áp nói riêng đi vào chiều sâu.	Chỉ phi đón tiếp và làm việc với Đoàn chuyên gia Rumani; đoàn lãnh đạo của tỉnh đi học tập kinh nghiệm tại Rumai; khảo sát thực địa khu vực dự án để xây dựng báo cáo phục vụ thực hiện dự án và các chi phí khác có liên quan	Báo cáo tổng hợp và bộ báo cáo chuyên đề. Khu bảo tồn đa dạng sinh học và Trung tâm Tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thạnh Phú được thành lập và vận hành có hiệu quả. Các sơ đồ, bản vẽ, bản đồ chuyên đề. Địa CD ghi toàn bộ báo cáo, bản vẽ, cơ sở dữ liệu và bản đồ.	Sở TNMT và các sở, ngành, UBND các huyện có liên quan	2019	500	0	500	
							6.396	4.605	2.331	
B	Nhiệm vụ thường xuyên									
1	Các nhiệm vụ truyền thông môi trường									
1.1	Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức BVMT và BDKH	Nâng cao nhận thức về BVMT và BDKH cho cộng đồng. Tổ chức các phong trào hoạt động sôi nổi, rộng khắp trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh và bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	Tổ chức các lớp tập huấn về các vấn đề liên quan đến công tác BVMT và BDKH. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường. Tham quan, học tập kinh nghiệm về truyền thông môi trường. Thay phòng nền hoặc làm mới các pano. Hỗ trợ cây xanh, cây phân tửm được lồng ghép trong chiến dịch thanh niên tình nguyện hè. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày Lễ về môi trường	Nâng cao nhận thức về BVMT	Sở TNMT và các đơn vị có liên quan	2019	500	0	500	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (triệu đồng)	Ghi chú
1.2	Thực hiện chuyên mục BVMT và Thông tin Môi trường	Tăng cường nâng cao kiến thức, cung cấp thông tin về các vấn đề môi trường và ĐKKH thông qua kênh thông tin truyền hình và thông tin môi trường	Thực hiện phóng sự/chuyên mục/thông tin có liên quan đến công tác BVMT, biến đổi khí hậu như: các hoạt động vớt rác trên sông, nạo vét kênh bị ô nhiễm, các mô hình, cách làm hay của các đơn vị, địa phương trong công tác BVMT, ứng phó với ĐKKH,...	24 chuyên mục và 04 Thông tin Môi trường	Sở TNMT, Đài PTTT tỉnh, Báo Đồng Khởi và các đơn vị có liên quan	2019	500	0	500	Hàng năm
1.3	Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre năm 2019	Hoàn thành báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre năm 2019 với đầy đủ nội dung quy định trong Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng, diễn biến các tình hình môi trường và các vấn đề môi trường (hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu; cơ sở có nguồn thải lớn; cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tình hình phát sinh chất thải; các vấn đề môi trường chính...). - Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường. - Đề xuất Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong năm tới, bao gồm: định hướng các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chính 	Báo cáo kết quả thực hiện, địa CD	Sở TNMT và đơn vị có chức năng	2019	500	0	500	
1.4	Hỗ trợ xử lý các sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn tỉnh (ô nhiễm, hóa chất, cháy nổ,....)	Phát hiện, xử lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch. - Hỗ trợ tìm nguồn. - Đề xuất và triển khai các biện pháp xử lý. 	Giải quyết nhanh chóng các sự cố môi trường khi xảy ra	Sở TNMT và UBND các địa phương có liên quan	2019	100		100	
1.5	Thẩm định, kiểm soát và thanh kiểm tra về bảo vệ môi trường; khen thưởng môi trường cho...	Ngăn chặn và kiểm soát...	Thẩm định, kiểm soát, kiểm tra và thanh tra môi trường; tuyên...	Hạn chế ô nhiễm môi trường và ngăn chặn được các vấn đề...	Sở TNMT, Ban quản lý	2019	200	0	200	

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Lý do qua hết năm 2018	năm 2019 (triệu đồng)	Ghi chú	
1.6	Lập kế hoạch quản lý Bộ Chỉ thị môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Cập nhật thông tin vào Bộ chỉ thị	Thu thập tài liệu có liên quan: Hiện trạng tài nguyên môi trường, hiện trạng phát triển KTXH tỉnh Bến Tre. Báo cáo hiện trạng môi trường và các dữ liệu quan trắc hàng năm. Các số liệu về công tác quản lý môi trường hàng năm. Hiện trạng ô nhiễm môi trường, thiên tai và sự cố môi trường.	Bộ Chỉ thị	Sở TNMT, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	2019	30	0	30		
1.7	Thực hiện quan trắc môi trường 04 lần/năm	Theo dõi diễn biến các yếu tố môi trường, cập nhật thông tin về hiện trạng môi trường.	Quan trắc chất lượng không khí, nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ, nước thải, chỉ tiêu lý hóa, vi sinh	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường	Sở TNMT (TTQTMT)	2019	1.600	0	1.600		
Tổng (3):									30		
C	Bổ trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và thường xuyên của cấp huyện, thành phố										
1	Thực hiện các công việc bảo vệ môi trường theo theo nhiệm vụ chuyên môn và thường xuyên của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố						2019	9.000		9.000	
Tổng (4):								9.000		9.000	
Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) =								19.765		15.261	